

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân công nhiệm vụ triển khai
xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/2011/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ phê duyệt đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ các đơn vị có tên sau đây để triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ:

1. Vụ Tổ chức cán bộ: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Văn phòng Bộ phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

3. Vụ Pháp chế: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

4. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông khoa học và công nghệ phối hợp với các Báo, Tạp chí thuộc Bộ: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 4 kèm theo Quyết định này.

5. Thanh tra Bộ: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 5 kèm theo Quyết định này.

6. Trung tâm Tin học: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 6 kèm theo Quyết định này.

7. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tổng hợp: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 7 kèm theo Quyết định này.

8. Vụ Thi đua khen thưởng: Triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2015 và năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Phụ lục 8 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị được phân công

1. Chuẩn bị, tổng hợp các số liệu, tài liệu kiểm chứng về công tác cải cách hành chính năm 2015, năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và tổ chức đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần đảm bảo trung thực, khách quan, đúng quy định.

2. Phối hợp với các đơn vị, công chức có liên quan trực thuộc Bộ để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao và gửi kết quả chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị kèm tài liệu kiểm chứng về Vụ Tổ chức cán bộ.


3. Phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ để triển khai công tác điều tra xã hội học phục vụ Chỉ số cải cách hành chính năm 2015, năm 2016.

4. Chủ động triển khai thực hiện nhiệm vụ được phân công và Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về nhiệm vụ được giao. Trong khi triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị liên hệ Vụ Tổ chức cán bộ để giải quyết.

Điều 3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm làm đầu mối, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện của các đơn vị được phân công và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Giao Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính bố trí kinh phí để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chỉ số cải cách hành chính của Bộ năm 2015 và năm 2016.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.

BỘ TRƯỞNG


Nguyễn Quân



Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC				
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3,5			
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời <i>(trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)</i>	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25, ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.	- Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch CCHC năm 2015; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch CCHC năm 2015. <i>(ban hành trong Quý IV năm 2014)</i>	- Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch CCHC năm 2016; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch CCHC năm 2016. <i>(ban hành trong Quý IV năm 2015)</i>
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình CCHC của Chính phủ và bố trí kinh phí triển khai	0,5	Các nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của bộ được xác định đầy đủ theo 6 lĩnh vực cải cách hành chính trong Nghị quyết số 30c ngày 08/11/2011 của Chính phủ và có bố trí	- Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch CCHC năm 2015.	- Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch CCHC năm 2016.
	<i>Xác định đầy đủ nhiệm vụ và có bố trí kinh phí: 0,5</i>				
	<i>Không xác định đầy đủ nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			kinh phí triển khai thì điểm đánh giá là 0,5. Nếu nhiệm vụ cải cách hành chính không được xác định đầy đủ trên 6 lĩnh vực quy định hoặc không bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.		
1.1.3	Các kết quả phải đạt được xác định rõ ràng, cụ thể và định rõ trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức	0,5	Kết quả phải đạt (sản phẩm đầu ra) được xác định cụ thể về số lượng, gắn với trách nhiệm triển khai của cơ quan, tổ chức và có quy định rõ thời gian hoàn thành thì điểm đánh giá là 0,5. Nếu không đạt được một trong số các yêu cầu này thì điểm đánh giá bằng 0.	- Trình Lãnh đạo Bộ ký báo cáo công tác CCHC năm 2015; - Công văn Báo cáo công tác CCHC năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo trước ngày 10/12/2015)	- Trình Lãnh đạo Bộ ký báo cáo công tác CCHC năm 2016; - Công văn Báo cáo công tác CCHC năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Báo cáo trước ngày 10/12/2016)
	<i>Đạt yêu cầu: 0,5</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	2	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 2; thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1,5; thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; thực hiện từ 50% - dưới	- Công văn Báo cáo công tác CCHC năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ	- Công văn Báo cáo công tác CCHC năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			70% kế hoạch thi điểm đánh giá là 0,5; thực hiện dưới 50% thi điểm đánh giá là 0.		
1.2	Báo cáo CCHC	1,5			
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	0,5			
	Đủ số lượng báo cáo: 0,5				
	Không đủ số lượng báo cáo: 0			- Trình Lãnh đạo Bộ ký báo cáo Quý công tác CCHC; - Báo cáo Quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm gửi Bộ Nội vụ (báo cáo gửi trước ngày 15 tháng cuối của Quý)	- Trình Lãnh đạo Bộ ký báo cáo Quý công tác CCHC; - Báo cáo Quý, báo cáo 6 tháng và báo cáo năm gửi Bộ Nội vụ (báo cáo gửi trước ngày 15 tháng cuối của Quý)
1.2.2	Tất cả báo cáo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	0,5			
	Đạt yêu cầu: 0,5			Báo cáo Quý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng cuối của Quý	Báo cáo Quý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng cuối của Quý
	Không đạt yêu cầu: 0				
1.2.3	Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định	0,5			
	Đúng thời gian quy định: 0,5			Báo cáo Quý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng cuối của Quý	Báo cáo Quý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng cuối của Quý
	Không đúng thời gian quy định: 0				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc bộ: vụ, cục, tổng cục... (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	0,5		- Lồng ghép kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trong kế hoạch kiểm tra công tác TCCB và kế hoạch của Thanh tra Bộ hoặc nằm trong kế hoạch CCHC của Bộ	- Lồng ghép kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trong kế hoạch kiểm tra công tác TCCB và kế hoạch của Thanh tra Bộ hoặc nằm trong kế hoạch CCHC của Bộ
	<i>Có kế hoạch kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>				
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>				
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1	Xác định số đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với số đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %, từ đó đối chiếu với thang điểm để tự chấm điểm: Nếu thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh	- Báo cáo công tác TCCB, báo cáo CCHC năm, báo cáo của Thanh tra Bộ - Danh sách các đơn vị được kiểm tra năm 2015 (kế hoạch); - Danh sách các đơn vị đã kiểm tra năm 2015.	- Báo cáo công tác TCCB, báo cáo CCHC năm, báo cáo của Thanh tra Bộ - Danh sách các đơn vị được kiểm tra năm 2016 (kế hoạch); - Danh sách các đơn vị đã kiểm tra năm 2016.
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 85% đến dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			giá là 0.		
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	Qua kiểm tra công tác cải cách hành chính, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; nếu đạt từ 85% – dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; đạt từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; nếu dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác TCCB, báo cáo CCHC năm; - Báo cáo của Thanh tra Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác TCCB, báo cáo CCHC năm, - Báo cáo của Thanh tra Bộ
	<i>100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Từ 85% – dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>				
	<i>Từ 70% - dưới 85%: 0,5 các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70%: 0,5 các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>				
	<i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2			
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1	Nếu có những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới được áp và đem lại hiệu quả trong thực	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị trực thuộc Bộ phát động sáng kiến trong triển khai công tác CCHC; - Báo cáo CCHC hàng năm của 	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị trực thuộc Bộ phát động sáng kiến trong triển khai công tác CCHC
	<i>Có sáng kiến: 1</i>				
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			hiện kế hoạch cải cách hành chính năm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được tổng hợp, đánh giá trong báo cáo cải cách hành chính năm thì điểm đánh giá là 1. Nếu không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0.	các đơn vị trực thuộc Bộ.	- Báo cáo CCHC hàng năm của các đơn vị trực thuộc Bộ.
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC				
4.1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy	1	Nếu tất cả các cơ quan thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục và tương đương) được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ thì điểm đánh giá là 1; nếu có một hoặc một số cơ quan được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức không theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ thì điểm đánh giá bằng 0.	- Danh sách các đơn vị có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ - Các văn bản của Chính phủ, Bộ Nội vụ có liên quan.	- Danh sách các đơn vị có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
4.3	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...)	2,5			
4.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	0,5	Hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ của bộ xây dựng kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục và tương đương). Nếu có kế hoạch kiểm tra đối với trên 30% số cơ quan so với tổng số cơ quan hành chính thuộc bộ thì điểm đánh giá bằng 0,5; từ 20 - 30% thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 20% hoặc không có kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá bằng 0.	- Lồng ghép kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc bộ trong kế hoạch kiểm tra công tác TCCB và kế hoạch của Thanh tra Bộ hoặc năm trong kế hoạch CCHC của Bộ	- Lồng ghép kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trong kế hoạch kiểm tra công tác TCCB và kế hoạch của Thanh tra Bộ hoặc năm trong kế hoạch CCHC của Bộ
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,25</i>				
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0</i>				
4.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm	- Báo cáo công tác TCCB năm 2015; - Báo cáo kết quả kiểm tra năm 2015.	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			đánh giá là 0.		
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	<p>Qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề không đúng quy định về tổ chức bộ máy cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác TCCB năm 2015; - Báo cáo kết quả kiểm tra năm 2015; - Biên bản xử lý (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác TCCB năm 2016; - Báo cáo kết quả kiểm tra năm 2016.
	Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Hầu hết các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75				
	Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5				
	Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
4.4	Thực hiện phân cấp quản lý	3			
4.4.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ ban hành	1	<p>Tổng hợp đánh giá tình hình triển khai phân cấp quản lý đối với 6 nội dung phân cấp được quy định tại mục III “Những định hướng chủ yếu” của Nghị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp đánh giá tình hình triển khai phân cấp quản lý đối với 6 nội dung phân cấp được quy định tại mục III của Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP này 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp đánh giá tình hình triển khai phân cấp quản lý đối với 6 nội dung phân cấp được quy định tại mục III của Nghị quyết số
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1				
	Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			<p>quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định về phân cấp quản lý khác của Chính phủ. Các bộ tổng hợp, thống kê các văn bản pháp luật có quy định về phân cấp quản lý thuộc ngành, lĩnh vực do Chính phủ ban hành, hoặc bộ ban hành theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ phân cấp đã được pháp luật quy định. Nếu tất cả các văn bản pháp luật về phân cấp quản lý được thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1, nếu thực hiện không đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>30/6/2004; - Thực hiện theo Quyết định phân cấp của Bộ và các văn bản của Chính phủ.</p>	<p>08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1			
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		<p>Qua kiểm tra, thống kê số vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo công tác TCCB năm 2015; - Báo cáo kết quả kiểm tra năm 2015.</p>	<p>- Báo cáo công tác TCCB năm 2016; - Báo cáo kết quả kiểm tra năm 2016.</p>
	<i>Hầu hết các các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>				
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	3			
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...) có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1	Thống kê số lượng cơ quan, đơn vị hành chính thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...), số cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức, theo vị trí việc làm và tính tỷ lệ %. Nếu đạt tỷ lệ trên 60% số cơ quan, đơn vị có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt thì điểm đánh giá là 1; từ 30 - 60% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 20 - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 20% thì điểm đánh giá bằng 0.	- Đề án vị trí việc làm; - Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.	- Đề án vị trí việc làm; - Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.
	<i>Trên 60% số cơ quan, đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 30% - 60% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>				
	<i>Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>				
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1	Thống kê số đơn vị sự nghiệp thuộc bộ và số đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm. Nếu đạt tỷ lệ trên 60% số đơn vị có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt thì điểm đánh giá là 1; từ 30 -	- Đề án vị trí việc làm; - Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.	- Đề án vị trí việc làm; - Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.
	<i>Trên 60% số đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 30% - 60% số đơn vị: 0,75</i>				
	<i>Từ 20% - dưới 30% số đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 20% số đơn vị: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			60% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 20 - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 20% thì điểm đánh giá bằng 0.		
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	1		- Đề án vị trí việc làm; - Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.	- Đề án vị trí việc làm; - Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>				
5.2	Tuyển dụng và bố trí sử dụng công chức, viên chức	4			
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại khối cơ quan bộ và các đơn vị trực thuộc bộ	1	Đánh giá tình hình tuyển dụng công chức của khối cơ quan bộ và các đơn vị trực thuộc bộ. Nếu 100%	- Công văn báo cáo tổng kết công tác cán bộ, công chức, viên chức; - Nghị định số 24/2010/NĐ-CP	
	<i>Đúng quy định: 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		số cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển dụng đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ thì điểm đánh giá là 1; nếu còn có cơ quan thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.	ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; - Nghị định số 93/NĐ-CP ngày 31/8/2010 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số Nghị định số 24/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2010/TT-BNV.	
5.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức	1	Đánh giá tình hình tuyển dụng viên chức của các đơn vị sự, nghiệp công lập thuộc bộ. Nếu trên 80% số đơn vị thực hiện việc tuyển dụng đúng quy định của Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ thì điểm đánh giá là 1; từ 70 -	- Báo cáo tổng kết công tác cán bộ, công chức, viên chức; - Các văn bản của Chính phủ, Bộ Nội vụ; - Tính số lượng các đơn vị thực hiện.	- Báo cáo tổng kết công tác cán bộ, công chức, viên chức; - Tính số lượng các đơn vị thực hiện.
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			80% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 50 - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.		
5.2.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục ...) thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và ngạch công chức	1		- Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	- Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị: 0</i>				
5.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện bố trí viên chức theo đúng quy định của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	1		- Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	- Tính số lượng, tỷ lệ cơ quan, đơn vị thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>				
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức	1,5			
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức hàng năm của bộ	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế	- Trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	- Trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016																																										
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>		hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25, ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.	năm 2015; - Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015; (ban hành trong Quý IV năm 2014)	chức, viên chức năm 2016; - Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016; (ban hành trong Quý IV năm 2015)																																										
	<i>Không ban hành: 0</i>					5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức của bộ	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015	- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016		<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1</i>			<i>Thực hiện từ 85% - 100% kế hoạch: 0,75</i>			<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>			<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>			<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>		5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức	4				5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	1		- Báo cáo đánh giá công chức	- Báo cáo đánh giá công chức		<i>Có thực hiện: 1</i>			<i>Không thực hiện: 0</i>		5.4.2	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc	1
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức của bộ	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2015	- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2016																																										
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1</i>																																														
	<i>Thực hiện từ 85% - 100% kế hoạch: 0,75</i>																																														
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>																																														
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>																																														
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>																																														
5.4	Đổi mới công tác quản lý công chức	4																																													
5.4.1	Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao	1		- Báo cáo đánh giá công chức	- Báo cáo đánh giá công chức																																										
	<i>Có thực hiện: 1</i>																																														
	<i>Không thực hiện: 0</i>																																														
5.4.2	Thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc	1																																													

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	cạnh tranh				
	<i>Có thực hiện: 1</i>			Thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ (nêu các văn bản).	Thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
5.4.3	Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở xuống	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>			- Xây dựng quy chế thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở xuống	- Xây dựng quy chế thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo cấp Vụ và tương đương trở xuống
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
5.4.4	Chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	1			
	<i>Có chính sách: 1</i>			- Xây dựng cơ chế, chính sách sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính	- Xây dựng cơ chế, chính sách sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính
	<i>Không có chính sách: 0</i>				
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>				
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện			- Thống kê các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm	- Thống kê các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
				vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập). <i>(Tính tỷ lệ thực hiện, gửi kèm theo danh sách các đơn vị)</i>	chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập). <i>(Tính tỷ lệ thực hiện, gửi kèm theo danh sách các đơn vị)</i>
	<i>Trên 80% số đơn vị: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số đơn vị: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số đơn vị: 0</i>				
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các tổ chức khoa học và công nghệ công lập				
6.3.1	Tỷ lệ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ thực hiện đề án chuyển đổi cơ chế hoạt động đã được phê duyệt	1		- Các quyết định phê duyệt đề án, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; - Thống kê số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ thực hiện đề án chuyển đổi cơ chế hoạt động	- Các quyết định phê duyệt đề án, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; - Thống kê số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc bộ thực hiện đề án chuyển
	<i>Trên 80% số tổ chức: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số tổ chức: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số tổ chức: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số tổ chức: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
				đã được phê duyệt	đổi cơ chế hoạt động đã được phê duyệt



Phụ lục 2

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685/QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
7.3	Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính	2,5			
7.3.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan bộ	0,5	Các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Nếu có Quyết định công bố hệ thống quản lý chất lượng thì điểm đánh giá là 0,5. Nếu không có Quyết định công bố thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008;- Quyết định công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và báo cáo kết quả kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại Bộ	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008;- Quyết định công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và báo cáo kết quả kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại Bộ
	<i>Có Quyết định công bố: 0,5</i>				
	<i>Không có Quyết định công bố : 0</i>				

7.3.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) có bản công bố ISO	1	Nếu có trên 80% số cơ quan có bản công bố ISO thì điểm đánh giá là 1; từ 70% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo việc thực hiện ISO tại Bộ theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; - Thống kê số lượng các Cục, Tổng cục và tương đương có bản công bố ISO; - Các Quyết định công bố của các đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo việc thực hiện ISO tại Bộ theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg;; - Thống kê số lượng các Cục, Tổng cục và tương đương có bản công bố ISO
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 0.75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>				
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	1	Căn cứ quy định tại điểm d, Điều 12 của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, các bộ báo cáo kết quả kiểm tra việc tổ chức thực hiện ISO tại bộ. Đây là một trong những tài liệu kiểm chứng để đánh giá tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng ISO trong hoạt động của bộ. Nếu trên 80% số cơ quan thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; từ 70% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 tại Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 tại Bộ
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 0.75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>				



Phụ lục 3

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ				
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2			
2.1.1	Mức độ thực hiện kế hoạch xây dựng VBQPPL hàng năm của bộ đã được phê duyệt	1	Trên cơ sở số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, các bộ xem xét tổng số kết quả theo kế hoạch đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả hoàn thành so với tổng số) để chấm điểm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Bộ trưởng ban hành Danh mục các VBQPPL soạn thảo năm 2015; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Danh mục các VBQPPL soạn thảo năm 2015 của Bộ; - Thống kê số lượng VBQPPL đã được ban hành so với kế hoạch tính tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch (Quý IV năm 2015); - Công văn báo cáo tiến độ thực hiện soạn thảo các văn bản năm 2015 (Tháng 12/2015); 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Bộ trưởng ban hành Danh mục các VBQPPL soạn thảo năm 2016; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Danh mục các VBQPPL soạn thảo năm 2016 của Bộ; - Thống kê số lượng VBQPPL đã được ban hành so với kế hoạch tính tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch (Quý IV năm 2016); - Công văn báo cáo tiến độ thực hiện soạn thảo các văn bản năm 2015 (Tháng 12/2016);
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL	1	Đối chiếu việc thực hiện quy trình xây dựng	Tài liệu kiểm chứng việc thực hiện đúng theo Luật	
	<i>Đúng quy định: 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	<i>Không đúng quy định: 0</i>		VBQPPL với các quy định tại Luật ban hành VBQPPL và hướng dẫn của Chính phủ	ban hành VBQPPL (các VB mới nhất): Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật	2,5			
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành trong năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25. Nếu không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Quyết định của Bộ trưởng ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ <i>(ban hành trong Quý IV năm 2014)</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Quyết định của Bộ trưởng ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ <i>(ban hành trong Quý IV năm 2015)</i>
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình, kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình, kết quả rà soát các văn bản quy phạm
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	Từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5		70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	năm 2015 (<i>đề nghị tính tỷ lệ</i>) - Trình Bộ trưởng công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2015 (<i>ban hành trước 30/01/2016</i>).	pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016: <i>đề nghị tính tỷ lệ</i> - Trình Bộ trưởng công bố danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ năm 2015 (<i>ban hành trước 30/01/2017</i>).
	Từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25				
	Dưới 50% kế hoạch: 0				
2.2.3	Xử lý kết quả rà soát	1	Thông qua rà soát phát hiện những văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ... từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý. Nếu việc xử lý thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ và Bộ Tư pháp thì điểm đánh giá bằng 1, không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.	- Báo cáo tình hình, kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015; - Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; - Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.	- Báo cáo tình hình, kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016.
	Thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 1				
	Không thực hiện đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp: 0				
2.3	Kiểm tra việc thực hiện VBQPPL do bộ, ngành khác và địa phương ban hành có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của bộ	2,5			
2.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế	- Trình Bộ trưởng phê duyệt	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>		hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành trong năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25. Nếu không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt “Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015. <i>(ban hành trong Quý IV năm 2014)</i>	- Trình Bộ trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt “Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016. <i>(ban hành trong Quý IV năm 2015)</i>
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
2.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý văn bản năm 2015; <i>(Quý IV năm 2015), đề nghị tính tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch.</i>	- Báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý văn bản năm 2016; <i>(Quý IV năm 2016), , đề nghị tính tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch.</i>
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>				
	<i>Dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
2.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	Qua kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần phải	- Báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý văn bản năm 2015; <i>(Quý IV năm 2015), đề</i>	- Báo cáo tình hình công tác kiểm tra, xử lý văn bản năm 2015; <i>(Quý IV năm 2016), đề nghị</i>
	<i>100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>từ 85% – dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	<i>lý: 0,75</i>		xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; nếu đạt từ 85% – dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; đạt từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; nếu dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	<i>nghey tính tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra, có tài liệu kiểm chứng.</i>	<i>tính tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra, có tài liệu kiểm chứng.</i>
	<i>từ 70% - dưới 85% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>từ 50% - dưới 70% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,25</i>				
	<i>dưới 50% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
2.4	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2,5			
2.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25, ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.	- Quyết định ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2015; <i>(ban hành trong Quý IV năm 2014)</i>	- Quyết định ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2015; <i>(ban hành trong Quý IV năm 2015)</i>
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
2.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	<p>Trên cơ sở số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, các bộ xem xét số kết quả đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả hoàn thành so với tổng số) để chấm điểm. Nếu thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2015. (báo cáo trước ngày 31/12/2015, thống kê số lượng thực hiện so với kế hoạch để tính tỷ lệ)</p>	<p>- Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016. (báo cáo trước ngày 31/12/2016, thống kê số lượng thực hiện so với kế hoạch để tính tỷ lệ)</p>
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% so với kế hoạch: 0</i>				
2.4.3	Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	1	<p>Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định tại Điều 11 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Nếu 80% văn bản quy phạm pháp luật trong kế hoạch được tuyên truyền, phổ biến bằng 3 hình thức trở lên thì điểm đánh giá là 1; 2 hình thức thì điểm đánh giá là 0,5; 1 hình thức thì</p>	<p>- Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2015. - Thống kê số lượng hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, pháp luật</p>	<p>- Báo cáo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016. - Thống kê số lượng hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, pháp luật</p>
	<i>Có 3 hình thức trở lên: 1</i>				
	<i>Có 2 hình thức: 0,5</i>				
	<i>Có 1 hình thức: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			điểm đánh giá bằng 0.		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	6			
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của bộ theo quy định của Chính phủ	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Ban hành sau ngày 31 tháng 01 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0. (Công văn số 739/BNV-CCHC ngày 09/02/2015 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC cấp bộ)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015; - Quyết định ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015. (ban hành trước 31/01/2015) 	Quyết định ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016 (ban hành trước 31/01/2016)
	Ban hành kịp thời: 0,5				
	Ban hành không kịp thời: 0,25				
	Không ban hành: 0				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình rà soát, đánh giá TTHC của bộ năm 2015; (Quý IV năm 2015), đề nghị tính tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình rà soát, đánh giá TTHC của bộ năm 2016; (Quý IV năm 2016), đề nghị tính tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch.
	Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1				
	Thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75				
	Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5				
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0				
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	2	Qua rà soát, bộ phát hiện và	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình rà soát, 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình rà soát,

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	<i>Thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1</i>		thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 1, không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0; Nếu bộ có đề nghị với Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan thì điểm đánh giá là 1, nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.	đánh giá TTHC của bộ năm 2015; <i>(Quý IV năm 2015).</i>	đánh giá TTHC của bộ năm 2016; <i>(Quý IV năm 2016).</i>
	<i>Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo quy định của Chính phủ: 1</i>				
3.1.4	Cập nhật, công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1		- Cập nhật đầy đủ TTHC trên Công thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định. - Thực hiện theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính.	- Cập nhật đầy đủ TTHC trên Công thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định. - Thực hiện theo Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính.
	<i>Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 1</i>				
	<i>Cập nhật, công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>				
3.1.5	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	0,5		Thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày	Thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ
	<i>Thực hiện đầy đủ quy định của Chính phủ: 0,5</i>				
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định của Chính phủ: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
				07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bộ, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.	Tư pháp hướng dẫn công bộ, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.
3.1.6	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1	Thống kê số lượng phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ để xử lý hoặc kiến nghị xử lý.	- Thống kê số lượng phản ánh, kiến nghị, nêu các văn bản xử lý những phản ánh, kiến nghị đó.	- Thống kê số lượng phản ánh, kiến nghị, nêu các văn bản xử lý những phản ánh, kiến nghị đó.
	<i>Tất cả các phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Hầu hết phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>				
	<i>Một số phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
3.2	Công khai thủ tục hành chính	2			
3.2.1	Niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	1	Cần phải xác định có bao nhiêu cơ quan thuộc bộ có thực hiện giải quyết các TTHC cho cá nhân, tổ chức để đánh giá, chấm điểm. Nếu tất cả các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ niêm yết công khai đầy đủ TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá bằng 1, nếu có một trong số các cơ	- Thống kê số lượng các đơn vị thuộc bộ có thực hiện giải quyết các TTHC cho cá nhân, tổ chức; - Thống kê số lượng các đơn vị có niêm yết công khai TTHC.	- Thống kê số lượng các đơn vị thuộc bộ có thực hiện giải quyết các TTHC cho cá nhân, tổ chức; - Thống kê số lượng các đơn vị có niêm yết công khai TTHC.
	<i>Niêm yết công khai, đầy đủ: 1</i>				
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết công khai không đầy đủ: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
			quan, đơn vị nói trên không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ các TTHC thì điểm đánh giá bằng 0.		
3.2.2	Tỷ lệ TTHC do bộ ban hành được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của bộ	1	Xác định tổng số TTHC do bộ ban hành đến thời điểm kết thúc năm đánh giá và tính tỷ lệ % số TTHC đã được công khai trên Trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của bộ. Nếu có trên 80% thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% thì điểm đánh giá bằng 0,75; từ 50 - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.	- Thống kê số lượng TTHC được công khai trên Trang thông tin điện tử của bộ vào tháng 12/2015	- Thống kê số lượng TTHC được công khai trên Trang thông tin điện tử của bộ vào tháng 12/2016
	<i>Trên 80% số TTHC: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số TTHC: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số TTHC: 0</i>				



Phụ lục 4

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5			
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (<i>Có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm</i>)	0,5		- Trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch truyền thông năm 2015; - Quyết định ban hành kế hoạch truyền thông, kế hoạch tuyên truyền về CCHC của Bộ năm 2015. <i>(ban hành trong Quý IV năm 2014)</i>	- Trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch truyền thông năm 2016; - Quyết định ban hành kế hoạch truyền thông, kế hoạch tuyên truyền về CCHC của Bộ năm 2016. <i>(ban hành trong Quý IV năm 2015)</i>
	<i>Có kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>				
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, các bộ xem xét	- Báo cáo công tác truyền thông, tuyên truyền về CCHC năm 2015. <i>(báo cáo trước ngày</i>	- Báo cáo công tác truyền thông, tuyên truyền về CCHC năm 2016. <i>(báo cáo trước ngày</i>
	<i>Thực hiện trên 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>		tổng số kết quả theo kế hoạch đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả hoàn thành so với tổng số) để chấm điểm. Nếu thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	<i>31/12/2015, thống kê số lượng thực hiện so với kế hoạch để tính tỷ lệ)</i>	<i>31/12/2016, thống kê số lượng thực hiện so với kế hoạch để tính tỷ lệ)</i>
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				





Phụ lục 5

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
2.5	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2,5			
2.5.1	Ban hành kế hoạch thanh tra <i>Ban hành kịp thời: 0,5</i> <i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i> <i>Không ban hành: 0</i>	0,5	Thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra. Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trước ngày 25 tháng 11 năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành sau ngày 25 tháng 11 thì điểm đánh giá là 0.	- Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2015; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2015 <i>(ban hành trước 25/11/2014)</i>	- Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2015; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2016 <i>(ban hành trước 25/11/2015)</i>
2.5.2	Tỷ lệ cơ quan được thanh tra theo kế hoạch <i>100% số cơ quan trong kế hoạch: 1</i> <i>Từ 85% - dưới 100% số cơ quan trong kế hoạch: 0,75</i> <i>Từ 70% - dưới 85% số cơ quan trong kế hoạch: 0,5</i> <i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan trong kế hoạch: 0,25</i> <i>Dưới 50% số cơ quan trong kế hoạch: 0</i>	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	- Xây dựng, trình Bộ trưởng Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2015 (quý IV năm 2015); - Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2015.	- Xây dựng, trình Bộ trưởng Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2016 (quý IV năm 2016); - Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2016.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
2.5.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra	1	<p>Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; từ 85% – dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; nếu dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, trình Bộ trưởng Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2015 (quý IV năm 2015); - Kết luận thanh tra; xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra năm 2015; - Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2015; Kết luận thanh tra; Biên bản thanh tra; các tài liệu liên quan đến thực hiện thanh tra tại các đơn vị; xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra năm 2015. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, trình Bộ trưởng Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2016 (quý IV năm 2016); - Kết luận thanh tra; xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra năm 2016; - Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2016; Kết luận thanh tra; Biên bản thanh tra; các tài liệu liên quan đến thực hiện thanh tra tại các đơn vị; xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra năm 2016.
	<i>Tất cả các vấn đề phát hiện qua thanh tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>				
	<i>Hầu hết các vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>				
	<i>Một số vấn đề phát hiện qua thanh tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Không xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				



Phụ lục 6

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
7	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH				
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của bộ				
7.1.1	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ (trong Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch)	0,5	Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25, ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.	- Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ năm 2015; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ năm 2015 <i>(ban hành Quý IV năm 2014)</i>	- Trình Bộ trưởng ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ năm 2016; - Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ năm 2016 <i>(ban hành Quý IV năm 2015)</i>
	<i>Ban hành kịp thời: 0,5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0,25</i>				
	<i>Không ban hành: 0</i>				
7.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của bộ	1	Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.	- Xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015 bao gồm: hạ tầng kỹ thuật, Trang/công thông tin điện tử của Bộ và các	- Xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016 bao gồm: hạ tầng kỹ thuật, Trang/công thông tin điện tử của Bộ và các
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,75</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,25</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
				<p>đơn vị trực thuộc Bộ; Cung cấp dịch vụ công; Ứng dụng nnooij bộ; Ứng dụng chuyên ngành; Nguồn nhân lực; Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.</p> <p><i>(thống kê thực hiện so với kế hoạch, yêu cầu tính tỷ lệ)</i></p>	<p>đơn vị trực thuộc Bộ; Cung cấp dịch vụ công; Ứng dụng nnooij bộ; Ứng dụng chuyên ngành; Nguồn nhân lực; Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.</p> <p><i>(thống kê thực hiện so với kế hoạch, yêu cầu tính tỷ lệ)</i></p>
7.1.3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...) triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	1		<p>- Xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015.</p> <p><i>(thống kê số lượng vụ, cục, tổng cục... triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, tính tỷ lệ thực hiện)</i></p>	<p>- Xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2016.</p> <p><i>(thống kê số lượng vụ, cục, tổng cục... triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, tính tỷ lệ thực hiện)</i></p>
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (vụ, cục, tổng cục...) sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	1		- Xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015. <i>(thống kê số lượng vụ, cục, tổng cục... sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc)</i>	- Xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2015. <i>(thống kê số lượng vụ, cục, tổng cục... sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc)</i>
	<i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0</i>				
7.1.6	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1	Thống kê tổng số dịch vụ công được thực hiện tại bộ (vụ, cục, tổng cục và tương đương) và số dịch vụ công được cung cấp trực tuyến theo từng mức độ để chấm điểm.	- Xây dựng Báo cáo đánh giá website hàng năm và cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. <i>(thống kê số lượng dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1,2,3 và 4)</i>	- Xây dựng Báo cáo đánh giá website hàng năm và cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. <i>(thống kê số lượng dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1,2,3 và 4)</i>
	<i>Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 1 và 2: 0.3</i>				
	<i>Có từ 10 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: 0.3</i>				
	<i>Có từ 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 0.4</i>				



Phụ lục 7

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm số	Quy định về việc chấm điểm	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2015	Nội dung công việc và tài liệu kiểm chứng cần hoàn thiện để xác định chỉ số CCHC năm 2016
6	ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP				
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính				
6.1.1	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) triển khai thực hiện	1		- Thống kê số lượng cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP) <i>(gửi Phụ lục tại thời điểm chấm điểm chỉ số CCHC, khoảng tháng 02/2016)</i>	- Thống kê số lượng cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính (Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP)
	<i>Dưới 100% số cơ quan triển khai thực hiện: 0</i>				



Phụ lục 8

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015 VÀ NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2685 /QĐ-BKHHCN ngày 05/10/2015
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Hướng dẫn tự chấm điểm	Hồ sơ cần hoàn thiện phục vụ Bộ chỉ số CCHC năm 2015	Các công việc cần triển khai trong quý IV năm 2015 để phục vụ Bộ chỉ số CCHC năm 2016
1.5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	2	Có gắn kết quả thực hiện CCHC với việc xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân của bộ (được thể hiện trong văn bản hướng dẫn thi đua, khen thưởng của bộ) thì điểm đánh giá là 1. Nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.	- Báo cáo công tác thi đua khen thưởng năm 2015; - Xây dựng quy chế, quy định gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng. <i>(lồng ghép kết quả thực hiện CCHC với việc xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân trong quy chế xét thi đua khen thưởng của Bộ)</i>	- Báo cáo công tác thi đua khen thưởng năm 2016; - Xây dựng quy chế, quy định gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng. <i>(lồng ghép kết quả thực hiện CCHC với việc xét thi đua, khen thưởng của các tập thể, cá nhân trong quy chế xét thi đua khen thưởng của Bộ)</i>
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	1			
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				